

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức An	1	1	00			
2	002	25TQ1E_01	Trần Bình An	2	1	00			
3	003	25TQ1D_01	Trần Quốc An	3	1	01			
4	004	25TQ1A_01	Võ Nguyễn Trường An	4	1	3,5			
5	005	25TQ1E_02	Dương Quốc Anh	5	1	3,5			
6	006	25TQ1B_02	Hoàng Ngọc Anh	6	1	1,5			
7	007	25TQ1D_02	Lê Tuấn Anh	7	1	3,5			
8	008	25TQ1D_03	Lê Tuấn Anh	8	1	00			
9	009	25TQ1B_03	Nguyễn Đức Anh	9	1	01			
10	010	25TQ1A_02	Nguyễn Quốc Anh	10	1	01			
11	011	25TQ1B_04	Nguyễn Quốc Anh	11	1	01			
12	012	25TQ1D_04	Nguyễn Trung Anh	12	1	01			
13	013	25TQ1B_05	Trần Đức Anh	13	1	00			
14	014	25TQ1A_04	Trần Xuân Bắc	14	1	01			
15	015	25TQ1D_05	Bùi Dương Công Bảo	15	1	01			
16	016	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo	16	1	01			
17	017	25TQ1F_02	Nguyễn Đào Chí Bảo	17	1	2			
18	018	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy Bảo	18	1	00			
19	019	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia Bảo	19	1	7			
20	020	25TQ1E_05	Nguyễn Quốc Bảo	20	1	01			
21	021	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia Bảo	21	1	2,5			
22	022	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia Bảo	22	1	00			
23	023	25TQ1D_06	Đinh Phạm Thanh Bình	23	1	00			
24	024	25TQ1F_03	Nguyễn Nhật Chương	24	1	10			
25	025	25TQ1B_07	Lương Thành Công	25	1	00			
26	026	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường	26	1	01			
27	027	25TQ1B_09	Lại Quốc Cường	27	1	00			
28	028	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường	28	1	00			
29	029	25TQ1A_05	Trần Chí Cường	29	1	3			
30	030	25TQ1D_08	Võ Duy Cường	30	1	3,5			
31	031	25TQ1B_15	Đặng Ánh Đăng	31	1	6			
32	032	25TQ1C_06	Nguyễn Nhựt Đăng	32	1	01			
33	033	25TQ1C_07	Trần Tấn Đăng	33	1	00			

Tổng số: 33

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A02

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	034	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh	34	1	01			
2	035	25TQ1B_10	Nguyễn Thành Danh	35	1	5			
3	036	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt	36	1	3,5			
4	037	25TQ1B_14	Nguyễn Thành Đạt	37	1	01			
5	038	25TQ1E_10	Thạch Bunc Davy	38	1	01			
6	039	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú Điền	39	1	01			
7	040	25TQ1B_16	Nguyễn Huy Đức	40	1	01			
8	041	25TQ1B_11	Nay Dung	41	1	8,5			
9	042	25TQ1C_03	Nguyễn Tiến Dũng	42	1	00			
10	043	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được	43	1	01			
11	044	25TQ1B_12	Phùng Dương	44	1	01			
12	045	25TQ1E_08	Cao Nhật Duy	45	1	2			
13	046	25TQ1F_04	Lê Ngọc Duy	46	1	6			
14	047	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo Duy	47	1	00			
15	048	25TQ1E_09	Nguyễn Hà Duy	48	1	01			
16	049	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy	49	1	00			
17	050	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc Duy	50	1	6			
18	051	25TQ1F_06	Phạm Đặng Khánh Duy	51	1	01			
19	052	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài Duy	52	1	5			
20	053	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật Duy	53	1	01			
21	054	25TQ1A_56	Nguyễn Đình Hào	54	1	7			
22	055	25TQ1F_10	Nguyễn Minh Hào	55	1	6			
23	056	25TQ1F_11	Nguyễn Nhựt Hào	56	1	2			
24	057	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào	57	1	2			
25	058	25TQ1E_12	Trương Nhật Hào	58	1	4			
26	059	25TQ1B_17	Vô Anh Hào	59	1	01			
27	060	25TQ1F_12	Lê Văn Hào	60	1	01			
28	061	25TQ1A_08	Phạm Phúc Hậu	61	1	5			
29	062	25TQ1D_14	Phan Minh Hiền	62	1	00			
30	063	25TQ1E_13	Lê Chí Hiếu	63	1	5			
31	064	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu	64	1	2			
32	065	25TQ1B_19	Lê Văn Nhựt Hòa	65	1	01			
33	066	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài	66	1	2			

Tổng số:

33

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	067	25TQ1E_15	Huỳnh Huy	Hoàng	67	1	3			
2	068	25TQ1A_55	Lê Minh	Hoàng	68	1	5			
3	069	25TQ1B_18	Thái Huy	Hoàng	69	1	6			
4	070	25TQ1A_09	Lê Ngọc	Huân	70	1	4			
5	071	25TQ1B_23	Đào Duy	Hùng	71	1	4			
6	072	25TQ1E_19	Hà Hoàng	Hưng	72	1	4			
7	073	25TQ1C_08	Huỳnh Lê Xuân	Huy	73	1	4			
8	074	25TQ1B_21	Lâm Trần Hoàng	Huy	74	1	4			
9	075	25TQ1E_16	Nguyễn Khắc	Huy	75	1	2			
10	076	25TQ1C_09	Tăng Gia	Huy	76	1	2			
11	077	25TQ1E_17	Đặng Hoàng	Huỳnh	77	1	4			
12	078	25TQ1B_22	Lý	Huỳnh	78	1	4			
13	079	25TQ1E_18	Nguyễn Khánh	Huỳnh	79	1	6			
14	080	25TQ1A_10	Bạch Hoàng	Kha	80	1	4			
15	081	25TQ1A_11	Đào Minh	Kha	81	1	01			
16	082	25TQ1B_24	Đỗ Văn	Kha	82	1	4			
17	083	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ	Kha	83	1	2			
18	084	25TQ1F_14	Trần Nguyên	Kha	84	1	3			
19	085	25TQ1C_11	Bùi Minh	Khải	85	1	1,5			
20	086	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên	Khang	86	1	01			
21	087	25TQ1B_25	Nguyễn Công	Khang	87	1	2,5			
22	088	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu	Khang	88	1	00			
23	089	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc	Khang	89	1	2,5			
24	090	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn	Khang	90	1	5			
25	091	25TQ1C_10	Nguyễn Văn	Khang	91	1	00			
26	092	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh	Khang	92	1	6			
27	093	25TQ1F_16	Võ Duy	Khang	93	1	00			
28	094	25TQ1E_21	Võ Duy	Khang	94	1	01			
29	095	25TQ1E_22	Nguyễn Việt	Khánh	95	1	00			
30	096	25TQ1D_19	Ngô Duy	Khanh	96	1	2,5			
31	097	25TQ1A_12	Nguyễn Duy	Khánh	97	1	00			
32	098	25TQ1E_23	Nguyễn Anh	Khoa	98	1	3			
33	099	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh	Khoa	99	1	3,5			

Tổng số: 33

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	100	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	100	1	00			
2	101	25TQ1F_17	Võ Anh Khoa	101	1	3			
3	102	25TQ1A_13	Hồ Đăng Khôi	102	1	3			
4	103	25TQ1D_20	Nguyễn Đăng Trọng Khôi	103	1	01			
5	104	25TQ1D_21	Nguyễn Minh Khôi	104	1	3,5			
6	105	25TQ1E_26	Vương Nhật Khôi	105	1	5			
7	106	25TQ1A_14	Trần Võ Đăng Khương	106	1	4,5			
8	107	25TQ1A_16	Nguyễn Trung Kiên	107	1	1,5			
9	108	25TQ1A_15	Nguyễn Trung Kiên	108	1	3			
10	109	25TQ1E_27	Khưu Tuấn Kiệt	109	1	3			
11	110	25TQ1C_15	Lê Anh Kiệt	110	1	00			
12	111	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn Kiệt	111	1	01			
13	112	25TQ1E_28	Ninh Tuấn Kiệt	112	1	3			
14	113	25TQ1B_27	Trần Anh Kiệt	113	1	9,5			
15	114	25TQ1A_17	Lương Thanh Lâm	114	1	00			
16	115	25TQ1C_16	Nguyễn Thân Lâm	115	1	1,5			
17	116	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê	116	1	00			
18	117	25TQ1D_24	Lê Hoàng Lên	117	1	00			
19	118	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân Lộc	118	1	2			Vắng
20	119	25TQ1D_26	Phùng Xuân Lộc	119	1	00			
21	120	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn Lợi	120	1	4,5			
22	121	25TQ1D_27	Nguyễn Tấn Lợi	121	1	4,5			
23	122	25TQ1D_25	Võ Thành Long	122	1	0,5			
24	123	25TQ1F_20	Nguyễn Võ Minh Luân	123	1	6			
25	124	25TQ1C_17	Võ Thành Luân	124	1	3,5			
26	125	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê Luận	125	1	01			
27	126	25TQ1A_54	Nguyễn Chi Lượng	126	1	3,5			
28	127	25TQ1A_18	Lê Thị Ngọc Mai	127	1	0,5			
29	128	25TQ1A_19	Chu Lê Trà Mi	128	1	5,5			
30	129	25TQ1F_21	Nguyễn Duy Minh	129	1	5,5			
31	130	25TQ1C_18	Trần Nhật Minh	130	1	00			
32	131	25TQ1D_28	Trần Quang Minh	131	1	00			
33	132	25TQ1C_19	Bùi Văn Nam	132	1	00			
34	133	25TQ1F_22	Châu Thành Nam	133	1	00			

35	134	25TQ1C_20	Nguyễn Hoài	Nam	133	1	05		Ưu
36	135	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng	Nam	134	1	2		Ưu
37	136	25TQ1A_21	Nguyễn Hoàng	Nam	135	1	9		Cham
38	137	25TQ1F_23	Trần Đức	Nam	136	1	01		Nam
39	138	25TQ1A_22	Lê Trọng	Nghĩa	137	1	35		Ưu
40	139	25TQ1C_21	Nguyễn Thành	Nghĩa	138	1	5		Ngh
41	140	25TQ1A_23	Nguyễn Minh	Ngọc	139	1	6		Ngọc
42	141	25TQ1C_23	Đào	Nguyễn	140	1	00		Ưu
43	142	25TQ1A_24	Nguyễn Đình	Nguyễn	141	1	25		Tu
44	143	25TQ1D_29	Trần Tuấn	Nguyễn	142	1	3		Nguyễn
45	144	25TQ1B_31	Võ Đình	Nguyễn	143	1	5		Tu

Tổng số: 45

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Số sinh viên có mặt: 44.

Số bài thi: 44.

Số sinh vắng mặt: 1.

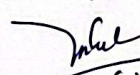
Số tờ giấy thi: 44.

Giám thị 1


Dương Quý Vinh.
Duyệt

Trưởng khoa

Giám thị 2


Võ Thành Nhân

Thư ký khoa


Cao Minh Thuận


Nguyễn Thị Ngọc Phượng

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A06

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	145	25TQ1C_25	Nguyễn Chí	Nguyễn	111	01	00			
2	146	25TQ1C_26	Đoàn Thanh	Nhã	115	1	0,5			
3	147	25TQ1E_30	Lê Chí	Nhân	116	1	0,5			
4	148	25TQ1A_25	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân	112	01	5			
5	149	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng	Nhân	118	01	01			
6	150	25TQ1E_31	Nguyễn Thiện	Nhân	114	1	1,5			
7	151	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng	Nhân	110	1	00			
8	152	25TQ1F_25	Huỳnh Bá	Nhân	111	1	0,5			
9	153	25TQ1A_26	Nguyễn Quang	Nhật	112	1	00			
10	154	25TQ1C_28	Nguyễn Song	Pha	113	1	00			
11	155	25TQ1F_26	Lâm Hữu	Phát	114	1	0,5			
12	156	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn	Phát	115	01	2			
13	157	25TQ1D_30	Phan Thành	Phát	116	01	1,5			
14	158	25TQ1D_31	Trương Đại	Phát	117	1	2,5			
15	159	25TQ1A_27	Lưu Chấn	Phong	118	01	7,5			
16	160	25TQ1A_28	Nguyễn Thế	Phong	119	01	6,5			
17	161	25TQ1B_33	Trần Chí	Phong	160	01	00			
18	162	25TQ1C_29	Trần Đình	Phong	161	01	4			
19	163	25TQ1E_32	Dương Gia	Phú	162	01	00			
20	164	25TQ1C_30	Hồ Huỳnh Gia	Phú	163	01	00			
21	165	25TQ1C_31	Trần Hồ Ngọc	Phú	164	1	0,1			
22	166	25TQ1C_32	Đồng Lưu Bảo	Phúc	165	01	00			
23	167	25TQ1E_33	Hồ Hoàng	Phúc	166	01	00			
24	168	25TQ1F_28	La Trần Gia	Phúc	167	01	00			
25	169	25TQ1B_34	Nguyễn Hoàng Giao	Phúc	168	01	0,5			
26	170	25TQ1D_33	Lữ Minh	Quân	169	01	0,5			
27	171	25TQ1F_29	Nguyễn Cao	Quân	170	01	2			
28	172	25TQ1A_32	Nguyễn Minh	Quân	171	01	0,5			
29	173	25TQ1F_30	Trần Minh	Quân	172	01	7			
30	174	25TQ1C_34	Văn Viết	Quân	173	01	2,5			
31	175	25TQ1D_34	Võ Minh	Quân	174	01	0,5			
32	176	25TQ1E_34	Hoàng Đăng	Quang	175	01	0,5			
33	177	25TQ1A_31	Lâm Nhật	Quang	176	01	0,1			

Tổng số: 33

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	178	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc Quí	177	1	5			
2	179	25TQ1B_36	Dương Hoàng Quý Quốc	178	1	6			
3	180	25TQ1A_33	Đỗ Trọng Quý	179	1	01			
4	181	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh Quyền	180	1	0,5			
5	182	25TQ1C_35	Dương Bình Sang	181	1	01			
6	183	25TQ1D_36	Nguyễn Thái Sang	182	1	00			
7	184	25TQ1C_36	Nguyễn Thanh Sang	183	1	0,5			
8	185	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái Sơn	184	1	01			
9	186	25TQ1B_38	Nguyễn Thanh Sơn	185	1	3			
10	187	25TQ1A_35	Phạm Tấn Tài	186	1	00			
11	188	25TQ1B_39	Trần Phan Đức Tài	187	1	3,5			
12	189	25TQ1C_37	Trần Tấn Tài	188	1	0,5			
13	190	25TQ1A_36	Trần Tiến Tài	189	1	00			
14	191	25TQ1D_37	Từ Tấn Tài	190	1	01			
15	192	25TQ1C_38	Huỳnh Minh Tâm	191	1	00			
16	193	25TQ1A_37	Nguyễn Ngọc Tâm	192	1	5			
17	194	25TQ1B_40	Lý Thanh Tân	193	1	0,5			
18	195	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc Tân	194	1	2,5			
19	196	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang Tấn	195	1	00			
20	197	25TQ1C_40	Nguyễn Gia Thái	196	1	2			
21	198	25TQ1B_43	Nguyễn Phong Thái	197	1	2			
22	199	25TQ1A_38	Phạm Đình Thái	198	1	3			
23	200	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc Thái	199	1	4,5			
24	201	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng Thắng	200	1	00			
25	202	25TQ1F_34	Nguyễn Hiếu Thắng	201	1	4			
26	203	25TQ1C_39	Lâm Duy Thanh	202	1	00			
27	204	25TQ1B_41	Nguyễn Chí Thanh	203	1	5,5			
28	205	25TQ1B_42	Phạm Chí Thanh	204	1	2,5			
29	206	25TQ1E_36	Phạm Nhựt Thanh	205	1	4			
30	207	25TQ1F_33	Đỗ Đạt Thành	206	1	0,5			
31	208	25TQ1D_40	Đỗ Tấn Thành	207	1	0,5			
32	209	25TQ1A_39	Diệp Thị Trang Thảo	208	1	0,5			
33	210	25TQ1C_42	Trần Thiện Thê	209	1	1,5			
34	211	25TQ1E_38	Nguyễn Nhất Thiên	210	1	2,5			

35	212	25TQ1C_43	Nguyễn Trần Phước Thiên	211	1	10		<u>10</u>
36	213	25TQ1C_44	Ksor	212	1	4		<u>4</u>
37	214	25TQ1C_45	Huỳnh Công Thịnh	213	1	7,5		<u>7,5</u>
38	215	25TQ1A_41	Lê Duy Thịnh	214	1	9		<u>9</u>
39	216	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ Thịnh	215	1	5		<u>5</u>
40	217	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh Thư	216	1	7,5		<u>7,5</u>
41	218	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thức	217	1	6		<u>6</u>
42	219	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài Tín	218	1	2		<u>2</u>
43	220	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh Tính	219	1	01		<u>01</u>
44	221	25TQ1C_48	Đặng Xuân Toại	220	1	6		<u>6</u>
45	222	25TQ1C_46	Huỳnh Gia Toàn	221	1	00		<u>00</u>

Tổng số: 45

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Số sinh viên có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số sinh vắng mặt: 00

Số tờ giấy thi: 45

Giám thị 1

Giám thị 2

ha the' hien

ngô hoàng thanh

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa

Cao Minh Thuận

Nguyễn Thị Ngọc Phượng

~~45 223 24TQ1C-03 Trần Văn Bảo~~

th

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật lưới điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng C05

Ngày thi : 25/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	223	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh Trí	222	1	0,5		Trí	
2	224	25TQ1F_37	Lê Phát Triền	223	1	00		Triền	
3	225	25TQ1F_38	Hà Công Trọng	224	1	00		Trọng	
4	226	25TQ1A_45	Nguyễn Phú Trọng	225	1	00		Trọng	
5	227	25TQ1C_49	Vô Thành Trọng	226	1	00		Trọng	
6	228	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung	227	1	00		Trung	
7	229	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường	228	1	00		Trường	
8	230	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường	229	1	0,5		Trường	
9	231	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường	230	1	00		Trường	
10	232	25TQ1B_49	Nguyễn Nhựt Trường	231	1	00		Trường	
11	233	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhựt Trường	232	1	0,5		Trường	
12	234	25TQ1B_51	Nguyễn Anh Tú	233	1	01		Tú	
13	235	25TQ1C_50	Đào Tuấn	234	1	0,5		Tuấn	
14	236	25TQ1A_48	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	235	1	10		Tuấn	
15	237	25TQ1D_44	Trần Ngọc Văn	236	1	0,5		Văn	
16	238	25TQ1D_43	Nguyễn Thiên Vạn	237	1	1,5		Vạn	
17	239	25TQ1E_39	Dương Gia Vĩ	238	1	01		Vĩ	
18	240	25TQ1F_41	Trần Lê Tuấn Vĩ	239	1	1,5		Vĩ	
19	241	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc Việt	240	1	4,5		Việt	
20	242	25TQ1A_51	Trần Quốc Việt					Việt	Vắng
21	243	25TQ1F_39	Nguyễn Đỗ Thanh Vinh	241	1	5,5		Vinh	
22	244	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc Vinh	242	1	00		Vinh	
23	245	25TQ1D_45	Phan Thái Vinh	243	1	1,5		Vinh	
24	246	25TQ1F_40	Vô Quang Vinh	244	1	4		Vinh	
25	247	25TQ1F_42	Lâm Hoàng Vũ	245	1	2		Vũ	
26	248	25TQ1A_52	Phạm Hồ Khánh Vũ	246	1	10		Vũ	
27	249	25TQ1A_53	Quách Bảo Xuyên	247	1	4,5		Xuyên	
28	250	25TQ1B_54	Võ Tư Ý	248	1	3,5		Ý	

Tổng số: 28

Số sinh viên có mặt: 27

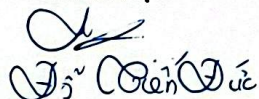
Số sinh vắng mặt: 1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

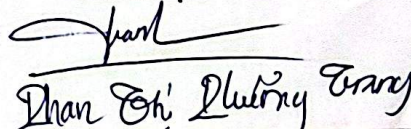
Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1



Giám thị 2


Đan Thị Phương Trang

DANH SÁCH MÔN THI - KỸ THUẬT LƯỚI ĐIỆN

Khóa học: TC2025

Hệ đào tạo: Trung cấp

Thi ghép 25TC HK2

Lần thi: 1

13g30 ngày: 25/06/2026

Phòng thi: C.05

STT	SBD	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Phách	Số tờ	Điểm thi		Ký tên	Ghi chú
						. = số	. = chữ		
1	251	24TQ1D_02	Ngô Huỳnh Gia Bảo					<i>Ngô</i>	ds bs
2	252	24TQ1A_11	Nguyễn Khánh Duy	249	1	00		<i>Duy</i>	
3	253	24TQ1A_38	Trần Nguyên Phúc	Cấm thi do chưa đóng học phí học ghép và không có điểm Qt					
4	254	24TQ1C_03	Trần Hoài Bảo	250	1	01		<i>Bảo</i>	
5	255	24TQ1F_39	Nguyễn Đức Thịnh	251	1	00		<i>Thịnh</i>	

Tổng số: 05 học viên

Tổng số học sinh có mặt: 3

Tổng số học sinh vắng mặt: 2

Ngày ... tháng ... năm

Số bài thi: 03

Số tờ giấy thi: 03

Cán bộ coi thi 1
(Họ tên và chữ ký)

Đỗ Đức Đức

Duyệt
Trưởng khoa
(Họ tên và chữ ký)

[Chữ ký]

Cán bộ coi thi 2
(Họ tên và chữ ký)

Phạm Thị Thuý Hằng

Thư ký khoa
(Họ tên và chữ ký)

Phạm

CÁC HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI

Cao Minh Tuấn

Nguyễn Thị Ngọc Phương